TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 260/2022/DS-ST
Ngày 26 – 9 – 2022
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản,
hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2022/TLST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản, hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1952; Địa chỉ: ấp Trần Đ, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

Người đại theo ủy quyền của ông B: Anh Danh Lý K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố Minh P, thị trấn Minh L, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022 (có mặt).

1.2. Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35, Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ: Chị Lê Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ: số 27, đường Ngô Q, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Quyết định ủy quyền số: 393/QĐ-BIDV.ĐM ngày 07/6/2021 (có mặt).

1.3. Anh Nguyễn Quang K1, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 279/7, Khu vực 2, phường An B, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Cạnh 329, đường Nguyễn Văn L, phường An K, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2021 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch T, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Quốc K2, sinh năm 1973 (đã chết); Địa chỉ: Số 105, Trương Phùng X, khóm 4, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 83, đường Dương Thị Cẩm V, khóm 5, phường D, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2021 và ngày 15/4/2021 (có mặt).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quốc K2 và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ư, sinh năm 1953; Cùng địa chỉ: ấp Trần Đ, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

- Chị Nguyễn Tuyết L1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: số 279/7, Khu vực 2, phường An B, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

- Chị Nguyễn Nhã L2, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số 105, Trương Phùng X, khóm 4, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà Ư, chị Tuyết L1 và chị Nhã L2: Anh Danh Lý K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố Minh P, thị trấn Minh L, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ liên hệ: số 267, đường 30/4, phường Xuân K, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022 và ngày 20/7/2022 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP Đ1; Địa chỉ: số 22, đường Ngô Q, phường Tràng T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ: Anh Huỳnh Cảnh K3, sinh năm 1988 và anh Trần Phương K4, sinh năm 1992 – Là chuyên viên tố tụng của Ngân hàng; Địa chỉ: Lầu 6, số 131, đường Trần Hưng Đ, phường An P, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ theo văn bản ủy quyền số: 2711/UQ-PVB ngày 22/10/2021 (anh K3 có mặt, anh K4 vắng mặt).

3.2. Bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1949; Anh Huỳnh Tấn Đ2, sinh năm 1983 và chị Đoàn Thị N, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Số 117, đường Trương Phùng X, khóm 4, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (bà Đ1 vắng mặt, anh Đ2 và chị N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh B (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Ư, chị Nguyễn Nhã L1, chị Nguyễn Tuyết L2 trình bày:

Ông Nguyễn Quốc K2 và bà Huỳnh Thị Bạch T là vợ chồng, chung sống với nhau có 02 người con. Quá trình chung sống, vợ chồng ông K2 tạo lập được tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại đường Trương Phùng X, khóm 4, phường M, Tp Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ cấp 985/QSDĐ/TPCM do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 11/9/2003 cho bà Huỳnh Thị Bạch T và ông Nguyễn Quốc K2, trên đất có căn nhà cấp 4. Nhà và đất trên có giá trị khoảng 2.000.000.000 đồng; Quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc ấp Tân Hòa, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ 11 diện tích 1.533,2m2, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09153 cấp ngày 12/7/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho Huỳnh Thị Bạch T cùng tài sản là căn nhà gỗ xây dựng trên đất, nhà và đất này có giá trị khoản 8.000.000.000 đồng. Ngoài ra, còn có tủ cây trị giá 20.000.000 đồng, tượng gỗ trị giá 100.000.000 đồng và cây kiểng trị giá 80.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2020, ông K2 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Quốc K2 gồm Nguyễn Thanh B (cha ruột), bà Nguyễn Thị Ư (mẹ ruột), bà Huỳnh Thị Bạch T (vợ), chị Nguyễn Tuyết L1 và chị Nguyễn Nhã L2 (con ruột), ông B có yêu cầu chia thừa kế các tài sản trên của ông K2 nhưng bà T không đồng ý nên ông B khởi kiện phần di sản của ông K2 chết để lại trong khối tài sản chung nêu trên hiện do bà T quản lý, sử dụng và yêu cầu được nhận giá trị với số tiền là 800.000.000 đồng. Do các tài sản trên, lúc ông K2 còn sống đã cùng bà T đem thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đất Mũi và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Cà Mau để bảo đảm cho các khoản nợ vay của ông K2, bà T và khoản vay của chị Nguyễn Tuyết L1, hiện các khoản nợ này đến nay vẫn chưa thanh toán cho các Ngân hàng. Bên cạnh đó, ông K2 còn nợ tiền ông K1 chưa trả. Nay các Ngân hàng và ông K1 khởi kiện yêu cầu ông K2, bà T, chị Tuyết L1 trả các khoản nợ nêu trên nên ông B cùng bà Ư, chị Tuyết L1 và chị Nhã L2 rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông K2 chết để lại để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của ông K2 và đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mại mà không có ý kiến gì phản đối. Trường hợp sau khi thanh toán các khoản nợ xong, nếu phần di sản của ông K2 còn thừa thì ông B, bà Ư, chị Tuyết L1 và chị Nhã L2 sẽ yêu cầu chia thừa kế sau.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 22/7/2019, Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đất Mũi ký hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Quốc K2, bà Huỳnh Thị Bạch T vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong

hạn, mục đích vay Nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 04/12/2019, Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng cho ông K2, bà T vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, lãi suất cho vay 10,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay nuôi trồng thủy sản.

Để bảo đảm các khoản vay nêu trên, ông K2 và bà T có thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 584120 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 11/9/2003, ghi nhận chủ sử dụng ngày 30/3/2015 và điều chỉnh lại diện tích đất ngày 20/02/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 140618 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 24/12/2002, điều chỉnh lại diện tích đất ngày 16/7/2019, ghi nhận chủ sử dụng ngày 19/7/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T. Việc thế chấp có làm hợp đồng, được công chứng chứng thực vào các ngày 21/02/2019, 22/7/2019 và có đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau.

Quá thực hiện hợp đồng tín dụng, ông K2 và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K2, bà T có trách nhiệm trả các khoản, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng ngày 22/7/2019, ông K2 và bà T còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 là 221.711.748 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 138.690.411 đồng và lãi quá hạn là 69.345.205 đồng, lãi phạt do chậm trả là 13.676.131 đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2019, ông K2 và bà T còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 900.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 là 283.222.897 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 178.066.849 đồng và lãi quá hạn là 89.033.425 đồng, lãi phạt do chậm trả là 16.122.623 đồng).

Tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng nêu trên, ông K2 và bà T còn nợ là 2.004.934.644 đồng (trong đó, nợ vốn gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 504.934.644 đồng). Do ông K2 chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K2 không yêu cầu chia thừa kế di sản do ông K2 chết để lại và đồng ý giao phần di sản của ông K2 trong khối tài sản chung với bà T đã thế chấp cho Ngân hàng phát mại thu hồi nợ, hiện bà T là người quản lý tài sản nên Ngân hàng yêu cầu bà Huỳnh Thị Bạch Tt có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 2.004.934.644 đồng cùng lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền trên và bà T, ông B, chị Nhã L1, chị Tuyết L2 cùng người ở trên đất là bà Trương Thị Đ1, anh Huỳnh Tấn Đ2, chị Đoàn Thị N giao các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K1 trình bày:

Ngày 30/02/2018 (âm lịch), ông Nguyễn Văn K1 có cho ông Nguyễn Quốc K2 vay tổng số tiền là 556.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, việc vay tiền ông K2 có viết biên nhận, mục đích vay tiền là để nuôi tôm và khi vay, ông K2, chỉ cam kết bằng miệng thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 30/3/2018 sẽ trả lại mà không thể

hiện trong biên nhận tiền đã ký. Tuy nhiên, đến ngày trả nợ như cam kết, ông K1 đã nhiều lần liên hệ nhưng ông K2 và vợ là bà T cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Đến năm 2020, ông K2 chết và có để di sản gồm nhà, đất hiện do bà T đang quản lý, sử dụng nên ông K1 có yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không đồng ý nên ông K1 khởi kiện yêu cầu cho ông K2 số tiền gốc là 556.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/3/2021 với lãi suất 1%/tháng là 216.160.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 756.160.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông K1 xác định ông K1 kiện đòi số tiền vốn là 556.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/7/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 295.347.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền ông K1 yêu cầu bà Huỳnh Thị Bạch T, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư, chị Nguyễn Nhã L1, chị Nguyễn Tuyết L2 liên đới trả là 851.347.000 đồng. Việc những người thừa kế của ông K2 rút lại yêu cầu chia thừa kế và đồng ý giao di sản là nhà, đất cho các Ngân hàng phát mại để thanh toán các khoản nợ do ông K2 chết để lại, người đại diện theo ủy quyền của ông K1 cũng đồng ý mà không có ý kiến gì phản đối.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Bạch T (bị đơn) trình bày:

Ông Nguyễn Quốc K2 và bà Huỳnh Thị Bạch T là vợ chồng chúng sống với nhau có 02 người con chung là chị Nguyễn Tuyết L1, chị Nguyễn Nhã L2. Năm 2020, ông K2 chết không để lại di chúc, trong thời gian chung sống giữa bà T với ông K2 không có tài sản chung, các tài sản dùng thế chấp tại các Ngân hàng là tài sản riêng của bà T nên quá trình giải quyết vụ án, cha mẹ của ông K2 là ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư cùng các con của bà Tyêu cầu chia thừa kế, bà T không đồng ý. Nay tại phiên tòa, những người thừa kế của ông K2 rút yêu cầu chia thừa kế bà T đồng ý, không có ý kiến gì phản đối. Đối với việc ký kết hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng và thế chấp tài sản như người đại diện của các Ngân hàng trình bày là đúng, hiện bà T cũng thừa nhận còn nợ các khoản vay với số tiền như các Ngân hàng yêu cầu và đồng ý trả các khoản nợ trên. Đồng thời, đồng ý giao các tài sản đã thế chấp cho các Ngân hàng phát mại để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Quang K1, bà T xác định bà không có nợ và lúc ông K2 còn sống, bà T không nghe ông K2 nói về khoản nợ này cũng không viết biên nhận nợ ông K1, chữ ký và chữ viết trong biên nhận do ông K1 cung cấp cho Tòa, bà T không biết có phải do ông K2 viết và ký ra hay không nhưng bà T không đặt ra yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ ngày 30/02/2018. Nếu như ông K2 có nợ thì đây là nợ riêng của ông K2 nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông K1.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện Ngân hàng TMCP Đ (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ngày 25/12/2018, Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Cà Mau và chị Nguyễn Tuyết

L1 ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đến ngày 26/12/2018, chị Nguyễn Tuyết L1 ký kế ước nhận nợ với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đến ngày 04/01/2019, Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng cho ông K2, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay tính từ ngày 04/01/2019 đến ngày 03/7/2019 là 7,99%/năm, từ ngày 04/7/2019 đến hết thời gian vay lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng công với biên độ tối thiểu là 3,6%/năm.

Để bảo đảm các khoản vay nêu trên, ông K2 và bà T có thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 358400 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/7/2016 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T. Việc thế chấp có làm hợp đồng thế chấp vào ngày 25/12/2018, phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp vào ngày 04/01/2019 và được công chứng chứng thực, có đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

Quá thực hiện hợp đồng tín dụng, chị L1 đã thanh toán được nợ gốc là 719.156 đồng và thanh toán lãi là 50.440.434 đồng, riêng ông K2 cùng bà T đã thanh toán được nợ gốc là 161.945.677 đồng và nợ lãi là 104.152.895 đồng thì ngưng không trả cho đến nay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L1 và ông K2, bà T có trách nhiệm trả các khoản, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng ngày 25/12/2018, kế ước nhận nợ ngày 26/12/2018, chị L1 còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 999.280.844 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/8/2022 là 255.587.737 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 2.876.712 đồng và lãi quá hạn là 252.249.967 đồng, lãi chậm trả là 461.058 đồng). Tổng các khoản, chị L1 còn nợ Ngân hàng là 1.254.868.581 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng ngày 04/01/2019, ông K2 và bà T còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 338.054.323 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/8/2022 là 59.625.743 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 46.088.244 đồng và lãi quá hạn là 10.438.346 đồng, lãi chậm trả là 3.099.153 đồng). Tổng các khoản, ông K2 và bà T còn nợ Ngân hàng là 397.680.066 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Tuyết L1 thanh toán một lần cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 1.254.868.581 đồng cùng lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên và yêu cầu những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Quốc K2 gồm ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư, bà Huỳnh Thị Bạch T, chị Nguyễn Tuyết L1, chị Nguyễn Nhã L2 cùng bà Huỳnh Thị Bạch T liên đới thanh toán một lần cho Ngân hàng số tiền 397.680.066 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư, bà Huỳnh Thị Bạch T, chị Nguyễn Tuyết L1, chị Nguyễn Nhã L2 cùng bà Huỳnh Thị Bạch T giao tài sản thế chấp để Ngân hàng phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Huỳnh Tấn Đ2 và chị Đoàn Thị N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Nhà và đất tọa lạc khóm 4, phường M, thành phố Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 140618 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 24/12/2002, điều chỉnh lại diện tích đất ngày 16/7/2019, ghi nhận chủ sử dụng ngày 19/7/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T là của vợ chồng anh Đ2, chị N. Ngày 19/7/2019, vợ chồng tặng cho lại cho bà Huỳnh Thị Bạch T toàn bộ phần đất để bà T vay tiền Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, anh Đ2 và chị N không đồng ý. Đối với việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Đ2 và chị N với bà T sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên anh chị không yêu cầu gì trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, yêu cầu của ông Nguyễn Quang K1 và yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ. Đồng thời, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về chia thừa kế tài sản, hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay tài sản.

[2] Xét nội dung tranh chấp về chia thừa kế tài sản, ông Nguyễn Quốc K2 và bà Huỳnh Thị Bạch T là vợ chồng, chung sống với nhau có 02 người con chung là chị Nguyễn Tuyết L1, chị Nguyễn Nhã L2. Ngày 20/3/2020, ông K2 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông gồm: Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư (cha mẹ đẻ của ông K2), bà Tt và hai người con có tên nêu trên của ông K2. Quá trình chung sống, theo người đại diện hợp pháp của ông B trình bày giữa ông K2 và bà T có nhiều tài sản chung nhưng hiện chỉ tranh chấp là phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại đường Trương Phùng X, khóm 4, phường M, Tp Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ cấp 985 QSDĐ/TPCM do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 11/9/2003 cho Huỳnh Thị Bạch T, Nguyễn Quốc K2 và phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc ấp Tân Hòa, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau tại thửa số 500, tờ bản đồ 11 diện tích 1.533,2m2, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09153 cấp ngày 12/7/2016 cấp cho Huỳnh Thị Bạch T cùng tài sản tại căn nhà tọa lạc ấp Tân Hòa, xã Thạnh P, huyện Cái N gồm tủ cây, tượng gỗ, cây kiểng. Đối với các tài sản khác còn lại của ông K2 chưa

yêu cầu. Riêng người đại diện của bà T không đồng ý và cho rằng đây là tài sản riêng của bà T.

Mặc dù, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các phần đất trên đã được ông K2 tặng cho bà T và bà T được đứng tên riêng nhưng tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản việc làm ăn, kinh doanh riêng và chịu trách nhiệm riêng đối với tài sản được tạo lập do làm ăn riêng, kinh doanh riêng mà có được trong khi ông K2, bà T cùng ký kết các hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng và cùng đứng ra thế chấp các tài sản như nêu trên. Cũng tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại huyện Cái N cũng không thể hiện việc ghi nhận ý kiến của ông K2 về việc bà T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi tại thời điểm cấp giấy, giữa hai người vẫn tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, các đương sự không đặt ra việc xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với căn nhà trên đất, tủ cây, cây kiểng hiện bà T đã bán và các đương sự thông nhất giá bán các tài sản trên với số tiền 50.000.000 đồng nên chấp nhận. Mặt khác, lúc còn sống bà T, ông K2 cũng đứng ra thế chấp vay ngân hàng để bảo đảm khoản nợ vay và tại hợp đồng thế chấp tuy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T nhưng ông K2 vẫn ký tên vào hợp đồng với tư cách là người thế chấp tài sản. Do đó, có cơ sở xác định các tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên cùng số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung của ông K2, bà T nên hàng thừa kế thứ nhất của ông K2 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ, vẫn còn trong thời hạn yêu cầu chia thừa kế.

Do hiện nay, các tài sản trên đang thế chấp tại Ngân hàng và Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay nên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông B, bà Ư, chị Nhã L1, chị Tuyết L2 rút lại yêu cầu chia thừa các tài sản trên để thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông K2 chết để lại cho Ngân hàng và ông Nguyễn Quốc K1, việc rút yêu cầu chia thừa kế là hoàn toàn tự nguyện được các đương sự tại phiên tòa đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế. Trường hợp sau khi, thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông K2 chết để lại trong các tài sản trên còn thừa thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K2 có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ở vụ kiện dân sự khác, nếu không thỏa thuận được việc phân chia.

[3] Xét nội dung tranh chấp các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, thể hiện việc ông K2, bà Bạch T, chị Tuyết L1 có vay và hiện còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh, các khoản nợ gồm:

[3.1] Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, ông K2 và bà Bạch T hiện còn nợ tổng số tiền là 2.004.934.644 đồng, trong đó nợ vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 là 504.934.644 đồng.

[3.2] Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, ông K2 và bà Bạch T hiện còn nợ số tiền 397.680.066 đồng, trong đó nợ vốn vay là 338.054.323đ, tiền lãi tính đến ngày 12/8/2022 là 59.625.743đ. Riêng chị Tuyết L1 còn nợ số tiền 1.254.868.581 đồng, trong đó nợ vốn vay là 999.280.844đ, tiền lãi tính đến ngày 12/8/2022 là 255.587.737đ.

Các khoản nợ trên, chị Tuyết L1 và bà Bạch T là người vay, người quản lý phần di sản của ông K2 chết để lại cũng đồng ý thanh toán số tiền nợ trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam về việc xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo các khoản nợ vay được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và ông K2, bà Bạch T, chị Tuyết L1 là đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết trong hợp đồng thế chấp, bà Bạch T đã bán căn nhà gỗ được xây dựng trên đất nhưng không báo cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam biết là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam không có ý kiến gì đối việc bán tài sản này với lý do giá trị tài sản hiện có của bà T có giá trị lớn hơn nghĩa vụ phải thực hiện và tài sản thế chấp còn lại vẫn đảm bảo đủ để trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam không đặt ra yêu cầu gì đối với tài sản bà T đã bán. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, xử lý. Hơn nữa, bà T cùng những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K2 cũng đồng ý giao các tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý phát mại đề thanh toán các khoản nợ do ông K2 chết để lại nên yêu cầu của các Ngân hàng về xử lý các tài sản thế chấp là có căn cứ, được chấp nhận.

Riêng ông Đ2, chị N không đồng ý giao tài sản là nhà và đất tọa lạc khóm 4, phường M, thành phố Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 140618 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 24/12/2002, điều chỉnh lại diện tích đất ngày 16/7/2019, ghi nhận chủ sử dụng ngày 19/7/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sử lý phát mại không được chấp nhận bởi không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc anh Đ2, chị N chỉ cho bà Tuyết mượn tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản nợ vay cho Ngân hàng và theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất mà Tòa án thu thập chứng minh được việc tặng cho đất giữa anh Đ2 với chị T, hiện trên phần đất này anh Đ2, bà Đ1 và chị N đang sinh sống nên cần buộc anh Đ2, chị N cùng bà Đ1 là người ở trên đất giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Xét tranh chấp hợp đồng vay, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông K1 cho ông K2 vay có viết biên nhận, có chữ ký tên của ông K2. Tuy rằng, bà Bạch T cho rằng không biết và không đồng ý trả nhưng khoản nợ này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bà Bạch T không chứng minh được việc làm ăn, kinh doanh và chịu trách nhiệm riêng giữa bà với ông K2 trong thời gian vợ chồng chung sống. Hơn nữa, không đương sự nào có ý kiến về việc chữ viết, chữ ký trong biên nhận ngày 30/3/2018 không phải do ông K2 ký, viết ra và cũng không đương sự nào đặt ra yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận nên đây được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, bà Bạch T phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ trên với ông K1.

[5] Về trách nhiệm thanh toán các khoản nợ tại đoạn [3] và [4], Hội đồng xét xử nhận thấy, ông K2 chết không để lại di chúc tuy các đồng thừa kế chưa thực hiện thủ tục cử người quản lý di sản do người chết để lại nhưng di sản trên nằm trong khối tài sản chung của bà T, ông K2 và bà T quản lý tài sản chung này từ trước đến nay. Do đó, mặc nhiên bà T được xác định là người quản lý phần di sản do ông K2 chết để lại.

Lẽ ra, các khoản nợ trên bà T chỉ có nghĩa vụ trả 50% trên tổng số nợ và 50% còn lại do các đồng thừa kế không yêu cầu chia thừa kế nên bà T là người quản lý phần di sản của ông K2 trong khối tài sản chung khi giao tài sản đang quản lý cho các Ngân hàng phát mại, số tiền phát mại được trong đó có 50% là di sản của ông K2 sẽ được dùng để thanh toán cho các chủ nợ. Vì vậy, không cần phải buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K2 cùng liên đới trả nợ mà buộc bà T vừa là người có nghĩa vụ, vừa là người quản lý di sản của người chết để lại thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho các Ngân hàng, cho ông K1 và nộp án phí dân sự đối với phần nghĩa vụ ông K2 phải thực hiện là phù hợp.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và ông Khảiyêu cầu thanh toán một lần nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[7] Vế tố tụng, bà Trương Thị Đ1 đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vẫn mặt không lý do và tại phiên tòa, các đương sự cùng Kiểm sát viên đồng ý xét xử vắng mặt bà Đ1 nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà T và chị Tuyết L1 phải chịu tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện. Riêng ông B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 301, 317, 318, 466, 468, 469, 615, 650, 651 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam các khoản tính đến ngày 22/9/2022 với tổng số tiền là 2.004.934.644 đồng (hai tỷ không trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi là 504.934.644 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/9/2022, bà Huỳnh Thị Bạch T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam các khoản tính đến ngày 12/8/2022 với tổng số tiền là 397.680.066 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm tám chục nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 338.054.323 đồng và nợ lãi là 59.625.743 đồng.

Buộc chị Nguyễn Tuyết L1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam các khoản tính đến ngày 12/8/2022 với tổng số tiền là 1.254.868.581 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 999.280.844 đồng và nợ lãi là 255.587.737 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/8/2022, bà Huỳnh Thị Bạch T, chị Nguyễn Tuyết L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà T, chị L1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang K1.

Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang K1 số tiền 851.347.000đ (tám trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang K1 có đơn yêu cầu thi hành án, bà Huỳnh Thị Bạch T không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Buộc bà Huỳnh Thị Bạch T cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Quốc K2 gồm: Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư, chị Nguyễn Tuyết L1, chị Nguyễn Nhã L2 và anh Huỳnh Tấn Đ2, chị Đoàn Thị N cùng bà Trương Thị Đ1 là người ở trên đất giao các tài sản thế chấp trong đó có phần di sản của ông Nguyễn Quốc K2 chết để lại do bà T quản lý, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 584120 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 11/9/2003, ghi nhận chủ sử dụng ngày 30/3/2015 và điều chỉnh lại diện tích đất ngày 20/02/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 07/2019/7486080/HĐBĐ ngày 20/02/2019 được công chứng chứng thực ngày 21/02/2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 140618 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 24/12/2002, điều chỉnh lại diện tích đất ngày 16/7/2019, ghi nhận chủ sử dụng ngày 19/7/2019 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 23/2019/7486080/HĐBĐ ngày 22/7/2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 358400 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/7/2016 đứng tên Huỳnh Thị Bạch T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1013/2018/HĐBĐ/PVB-CN.CM ngày 25/12/2018 và Phục lục sửa đổi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: PL01-1013/2018/HĐBĐ/PVB-CN.CM ngày 04/01/2019.

Để xử lý phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho các Ngân hàng và ông K1.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ư, chị Nguyễn Tuyết L1 và chị Nguyễn Nhã L2.

6. Án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị Bạch T phải nộp số tiền 97.079.000 đồng (chín mươi bảy triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng – chưa nộp).

- Chị Nguyễn Tuyết L1 phải nộp số tiền 49.646.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng – chưa nộp).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải nộp. Ngày 21/12/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 28.927.000đ (hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000383 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam không phải nộp. Ngày 08/11/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 27.497.000đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000616 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

- Ông Nguyễn Quang K1 không phải nộp. Ngày 25/3/2021, ông Nguyễn Quang K1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 18.904.000đ (mười tám triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000859 được trả lại toàn bộ cho ông K1.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân